Bài 19: DÂN CƯ, HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT VÀ MỘT SỐ NÉT VĂN HÓA Ở VÙNG NAM BỘ

(Tiết 1)

# YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* 1. **Năng lực đặc thù**

- Kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ

- Xác định được trên bản đồ và lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi.

- Trình bày được một số hoạt động sản xuất của người dân ở vùng Nam Bộ.

- Mô tả được sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân thông qua một số nét văn hóa tiêu biểu.

- Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ, có sử dụng một số tư liệu tranh ảnh, câu chuyện lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu của Nam Bộ.

# Năng lực chung

* Năng lực giao tiếp và hợp tác: Làm việc nhóm, trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập.

# Phẩm chất

* Trách nhiệm: Có ý thức trân trọng, tiết kiệm các sản phẩm của tự nhiên và do con người tạo ra.
* Chăm chỉ: Hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ học tập và luôn tự giác tìm hiểu, khám phá tri thức liên quan đến nội dung bài học.
* Yêu nước: Thể hiện được niềm tự hào về truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ.

# ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Bản đồ hoặc lược đồ phân bố một số ngành công nghiệp, cây trồng, vật nuôi vùng Nam Bộ.

- Tranh ảnh về công nghiệp, nông nghiệp, chợ nổi trên song ở vùng Nam Bộ.

- Tranh ảnh, tư liệu, video clip về các nhân vật lịch sử Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Thị Định.

- Máy tính, máy chiếu.

# CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU** | |
| **1. Khởi động:**  **\*Mục tiêu:**  - Kết nối được kiến thức đã biết với kiến thức trong bài mới.  - Tạo hứng thú cho HS tiếp nhận bài học mới. | |
| **\* Cách tiến hành**  **- “**Nam Bộ là nơi có nền văn hóa mang đậm dấu ấn của vùng sông nước. Đây là vựa lúa, vựa trái cây và thủy sản lớn nhất cả nước. Người dân nơi đây giàu truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng”.  **-**Y/c HS kể tên một số sản phẩm nông nghiệp có nhiều ở vùng Nam Bộ  - GV: “Tại sao nơi đây lại nổi tiếng về các sản phẩm này? Chúng ta cùng đến với bài học ngày hôm nay”. – Bài 19: Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Nam Bộ. | - HS chú ý lắng nghe quan sát.  - Lúa, cây ăn quả,… |

|  |  |
| --- | --- |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI** | |
| **2.1.Dân cư**  **\* Hoạt động 1: Tìm hiểu về dân cư ở vùng Nam Bộ**  **\*Mục tiêu:**  - Kể được tên một số dân tộc ở vùng Nam Bộ. | |
| * **Cách tiến hành:**   - GV y/c HS cả lớp làm việc theo cặp, đọc SGK tr.99 và trả lời câu hỏi:  + Kể tên một số dân tộc sinh sống ở vùng Nam Bộ.  + Nêu đặc điểm phân bố dân cư của vùng Nam Bộ.  - GV mời đại diện một số nhóm trình bày kết quả thảo luận  - GV mời các nhóm khác nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Một số dân tộc sinh sống ở vùng Nam Bộ là: Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa,…  + Đặc điểm phân bố dân cư  Vùng Nam Bộ có số dân nhiều nhất so với các vùng khác của nước ta.  Trong vùng, dân cư phân bố không đều, tập trung ở các đô thị và dải đất phù sa ven sông Tiền, sông Hậu. | -HS làm việc nhóm  -Đại diện 3-4 nhóm trình bày, HS cả lớp lắng nghe.  + Một số dân tộc sinh sống ở vùng Nam Bộ là: Kinh, Khơ-me, Chăm, Hoa,…  + Đặc điểm phân bố dân cư  Vùng Nam Bộ có số dân nhiều nhất so với các vùng khác của nước ta.  Trong vùng, dân cư phân bố không đều, tập trung ở các đô thị và dải đất phù sa ven sông Tiền, sông Hậu.  -HS nhận xét |
| **2.2.Hoạt động sản xuất**  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về sản xuất công nghiệp ở vùng Nam Bộ**  **\*Mục tiêu:**  - Trình bày được một số đặc điểm sản xuất công nghiệp ở vùng Nam Bộ.  - Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số cây trồng và vật nuôi. | |
| **\* Cách tiến hành**  **-** Y/c HS quan sát lược đồ hình 2 tr.100 SGK  - Gọi HS đọc câu hỏi tr.100 SGK  - Gọi HS lên bảng đọc chú giải các ngành công nghiệp  - Y/c HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi  - Y/c đại diện nhóm lên bảng chỉ và nêu các ngành công nghiệp của đồng bằng Nam Bộ trên lược đồ và sự phân bố của chúng.  - Gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án đúng  - GV y/c HS đọc thông tin SGK tr.100, trả lời câu hỏi “Giải thích vì sao Nam Bộ trở thành vùng sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta”.    - GV mời các nhóm khác nhận xét, nêu ý kiến bổ sung.  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  Nhờ có nguồn nguyên liệu và lao động dồi dào, lại được đầu tư xây dựng nhiều nhà máy nên ĐB Nam Bộ đã trở thành vùng có ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất nước ta với 1 số ngành nghề chính như: Khai thác dầu khí, sản xuất điện, điện tử, hóa chất, dệt may, chế biến nông sản,…  - GV y/c các nhóm gắn tranh ảnh đã sưu tầm về các ngành công nghiệp vào bảng nhóm, đại diện các nhóm lên giới thiệu.  - GV nhận xét, khen ngợi HS | - HS quan sát  - HS đọc  - 1 HS lên bảng đọc, cả lớp theo dõi.  • Một số ngành công nghiệp ở vùng Nam Bộ là: khai thác dầu mỏ; điện tử; hóa chất; chế biến nông sản; dệt may; thủy điện; nhiệt điện,…  - Vị trí phân bố:  + Các nhà máy thủy điện tập trung chủ yếu ở khu vực Đông Nam Bộ.  + Các nhà máy nhiệt điện tập trung chủ yếu ở: thành phố Hồ Chí Minh; thành phố Cần Thơ và tỉnh Cà Mau.  + Ngành khai thác dầu mỏ phân bố chủ yếu ở vùng thềm lục địa.  + Các ngành điện tử, hóa chất, dệt may tập trung chủ yếu ở các trung tâm công nghiệp như: Thành phố Hồ Chí Minh; Biên Hòa; Thủ Dầu Một.  + Ngành chế biến nông sản tập trung chủ yếu ở các trung tâm công nghiệp như: Thành phố Hồ Chí Minh; Biên Hòa; Thủ Dầu Một; Vũng Tàu; thành phố Cần Thơ và Cà Mau.  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe  - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi  • Giải thích: Nam Bộ có nguồn nguyên liệu và lao động dồi dào, lại được đầu tư xây dựng nhiều nhà máy nên đã trở thành vùng sản xuất công nghiệp lớn nhất nước ta.  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  - Các nhóm giới thiệu về các ngành công nghiệp mà nhóm sưu tầm được.  - HS lắng nghe |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu về sản xuất nông nghiệp ở vùng Nam Bộ.**  **\*Mục tiêu:**  - Trình bày được một số đặc điểm sản xuất nông nghiệp ở vùng Nam Bộ.  - Xác định được trên bản đồ hoặc lược đồ vùng Nam Bộ sự phân bố một số cây trồng, vật nuôi. | |
| - GV tổ chức cho HS cả lớp thảo luận nhóm:  + Chia lớp làm 6 nhóm (2 nhóm thực hiện cùng một nội dung)  + GV phân công nhiệm vụ cho từng nhóm:  · Nhóm 1, 2: Tìm hiểu về đặc điểm sản xuất nông nghiệp và sự phân bố nông nghiệp, trả lời các câu hỏi:  Câu 1: Sản xuất nông nghiệp ở vùng Nam Bộ có những đặc điểm gì?  Câu 2: Quan sát hình 3 trg.101 SGK, em hãy kể tên một số cây trồng, vật nuôi ở vùng Nam Bộ và chỉ ra sự phân bố của chúng trên lược đồ.  · Nhóm 3, 4: Tìm hiểu về sản xuất lúa ở vùng Nam Bộ, thực hiện nhiệm vụ: Đọc thông tin và quan sát hình 3 tr.101 SGK, trả lời câu hỏi:  Câu 1: Nêu tên những tỉnh trồng nhiều lúa ở vùng Nam Bộ.  Câu 2: Giải thích vì sao vùng Nam Bộ trở thành vựa lúa lớn nhất cả nước.  · Nhóm 5, 6: Tìm hiểu về nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ, thực hiện nhiệm vụ học tập: Đọc thông tin và quan sát các hình 3, 4, 5 tr.101-102 SGK, trả lời câu hỏi:  Câu 1: Nêu tên những tỉnh nuôi trồng thủy sản ở vùng Nam Bộ.  Câu 2: Giải thích vì sao vùng Nam Bộ trở thành vùng nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước.  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm, các nhóm cùng nội dung lắng nghe, nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Sản xuất nông nghiệp ở Nam Bộ rất phát triển, sản phẩm đa dạng, đứng đầu cả nước về sản xuất lúa, cây ăn quả, cao su, thủy sản.  + Các tỉnh trồng nhiều lúa là: Kiên Giang, Đồng Tháp, Long An, Tiền Giang, Sóc Trăng.  + Các tỉnh nuôi trồng thủy sản nhiều là: Kiên Giang, Cà Mau, An Giang. | -HS thảo luận.  -Dự kiến câu trả lời:  · Nhóm 1, 2:  Câu 1: Sản xuất nông nghiệp vùng Nam Bộ rất đa dạng với nhiều sản phẩm trong và ngoài nước.  Câu 2:  + Một số cây trồng chủ yếu ở vùng Nam Bộ là: cây lúa, cây ăn quả, cây cao su, cây điều và hồ tiêu…  + Một số vật nuôi chủ yếu ở vùng Nam Bộ là: trâu, bò, lợn, gà, vịt…  - Vị trí phân bố:  + Cây lúa và cây ăn quả phân bố chủ yếu ở khu vực Tây Nam Bộ.  + Cây điều, cao su và hồ tiêu phân bố chủ yếu ở khu vực Đông Nam Bộ.  + Trâu, bò, gà,… được nuôi nhiều ở vùng Đông Nam Bộ.  + Lợn, bò, vịt,… được nuôi nhiều ở vùng Tây Nam Bộ.  · Nhóm 3, 4:  Câu 1:  - Ở vùng Nam Bộ, cây lúa được trồng nhiều tại các tỉnh: Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, An Giang, Vĩnh Long, Trà Vinh, Kiên Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.  Câu 2:  Nhờ có diện tích đồng bằng lớn, đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm, áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật vào sản xuất,... nên vùng Nam Bộ đã trở thành vựa lúa lớn nhất cả nước với chất lượng gạo ngày càng tăng.  · Nhóm 5, 6:  Câu 1: Ở vùng Nam Bộ, thủy sản được nuôi trồng nhiều tại các tỉnh: Bến Tre, Trà Vinh, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau.  Câu 2: **Giải thích:**Do có vùng biển rộng, mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều vùng đất ngập nước, người dân nhiều kinh nghiệm và năng động,... nên Nam Bộ là vùng nuôi trồng thuỷ sản lớn nhất cả nước.  - HS lắng nghe  - HS nhận xét, bổ sung  - HS lắng nghe |
| * 1. **.Một số nét văn hóa**   **Hoạt động 4: Tìm hiểu về nhà ở và phương tiện đi lại của người dân vùng nam Bộ.**  **\* Mục tiêu:**  - Mô tả được sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân vùng Nam Bộ thông qua nhà ở và phương tiện đi lại. | |
| - GV y/c HS cả lớp làm việc theo nhóm 4, hoàn thành nhiệm vụ học tập. Đọc thông tin quan sát hình 6 và kết hợp vốn hiểu biết của bản thân:  + Nhà của người dân ở Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ trước kia có gì khác nhau? Vì sao?  + Phương tiện đi lại phổ biến của người dân Nam Bộ hiện nay là gì?  - GV gọi đại diện 2 nhóm trình bày kết quả.  - GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV cho HS xem tranh, ảnh về làng quê, phương tiện đi lại của người dân ở vùng Nam Bộ.  - GV nhận xét, đánh giá và kết luận:  + Do điều kiện tự nhiên khác nhau nên nhà ở trước kia của người dân Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ khác nhau. Cụ thể: Đông Nam Bộ có nhà chắc chắn; Tây Nam Bộ có nhà đơn sơ, phương tiện đi lại chủ yếu là xuồng ghe. Ngày nay, nhà đã kiên cố, khang trang hơn, phương tiện đi lại đa dạng hơn. | - HS làm việc theo nhóm 4  - Đại diện các nhóm trình bày kết quả.  - HS nhận xét  - HS theo dõi  - HS lắng nghe |
| **Hoạt động 5: Tìm hiểu về chợ nổi trên sông**  **\*Mục tiêu:**  - Mô tả được sự chung sống hài hòa với thiên nhiên của người dân Nam Bộ thông qua chợ nổi trên sông. | |
| **\* Cách tiến hành**  - Gọi HS kể tên chợ nổi mà mình đã từng đến, điều gì ở chợ ấn tượng nhất.  - GV cho HS xem video giới thiệu về chợ nổi, y/c HS chú ý về địa điểm họp chợ, phương tiện đi lại và hàng hóa ở chợ.  - Y/c HS lên bảng miêu tả lại về chợ nổi thông qua video và vốn hiểu biết của mình.  - GV y/c HS làm việc theo nhóm 4, mô tả về chợ nổi thông qua tranh, ảnh HS đã chuẩn bị ở nhà.  - GV gọi HS lên bảng mô tả về chợ nổi thông qua tranh, ảnh đã chuẩn bị trước.  - Y/c HS nhận xét  - GV nhận xét, khen ngợi, kết luận:  + Chợ nổi trên sông là nét văn hóa đặc thù ở Tây Nam Bộ.  + Nhiều thứ hàng hóa được mua, bán trên xuồng, ghe | - Chợ nổi Cái Răng, chợ nổi Long Xuyên – An Giang, chợ nổi Ngã Năm  - HS xem video  - HS lên bảng miêu tả, cả lớp lắng nghe  - HS kể với nhóm mình về chợ nổi mà mình đã tìm hiểu.  - HS lên mô tả, cả lớp lắng nghe  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **2.4. Truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ**  **Hoạt động 6: Tìm hiểu truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ.**  **\*Mục tiêu:**  - Nêu được truyền thống đấu tranh yêu nước và cách mạng của đồng bào Nam Bộ qua sử dụng tư liệu tranh ảnh, câu truyện lịch sử về một số nhân vật tiêu biểu | |
| **\* Cách tiến hành**  - GV y/c HS cả lớp làm việc theo nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập:  +Nhóm 1: Đọc SGK và kể lại câu chuyện về nhân vật Trương Định.  +Nhóm 2: Đọc SGK và kể lại câu chuyện về nhân vật Nguyễn Trung Trực.  +Nhóm 3: Đọc SGK và kể lại câu chuyện về nhân vật Nguyễn Thị Định.  - GV gọi đại diện 2 nhóm trình bày kết quả.  - GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, bổ sung, chuẩn xác nội dung. | -HS làm việc nhóm  - Đại diện nhóm trình bày, HS lắng nghe  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH** | |
| **3. Luyện tập**  **\*Mục tiêu:**  - Củng cố kiến thức, kĩ năng đã học trong bài. | |
| - GV y/c HS cả lớp làm việc theo nhóm 6:  +Hoàn thành câu 1 tr.106 SGK  +Hoàn thành câu 2 tr.106 SGK  +Hoàn thành câu 3 tr.106 SGK  - GV gọi đại diện các nhóm trình bày kết quả.  - GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, khen ngợi | - HS làm việc nhóm  - Đại diện nhóm trình bày  - HS nhận xét  - HS lắng nghe |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |
| **4. Vận dụng:**  **\*Mục tiêu:**  **-** Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn. | |
| - GV y/c HS thực hiện các nhiệm vụ tại nhà:  + Nhiệm vụ 1: Tổ 1,2 thực hiện nhiệm vụ 1.a  Tổ 3, 4 thực hiện nhiệm vụ 1.b  + Nhiệm vụ 2: Cả lớp  - Y/c HS trình bày trong nhóm của mình  - GV mời đại diện các nhóm trình bày trước lớp  - Y/c các nhóm khác nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, khen ngợi | - HS thực hiện tại nhà theo sự phân công    - HS trình bày trong nhóm  - HS trình bày trước lớp, cả lớp lắng nghe  - HS nhận xét, bổ sung  - GV nhận xét, bổ sung |
| **CỦNG CỐ, DẶN DÒ** | |
| **5. Củng cố**  - GV nhận xét, tóm tắt lại những nội dung chính của bài học.  - GV nhận xét, đánh giá sự tham gia của HS trong giờ học, khen ngợi những HS tích cực; nhắc nhở, động viên những HS còn chưa tích cực, nhút nhát.  **6. Dặn dò**  - GV nhắc nhở HS:  + Đọc lại bài học *Dân cư, hoạt động sản xuất và một số nét văn hóa ở vùng Nam bộ.*  + Hoàn thành bài tập phần Vận dụng.   * + Đọc trước Bài 20 – Thành phố Hồ Chí Minh | - Cá nhân xem lại bài.  - 2-3 HS nêu lại nội dung chính của bài.  - Cá nhân nghe, quan sát.  - Cá nhân nghe, quan sát.  và thực hiện yêu cầu. |